



YANG MING MARINE TRANSPORT CORP.
陽明海運股份有限公司 台灣營業部
菲律賓 / 台灣 北向船期表

台北 Tel: (02) 2181-6800 業務人員: 張凱巖 (#872), 內勤業務: 王秀嫻 (#878)
文件部: Tel: (02)2422-8881 Fax: (02)2426-0518; 2426-0556, E-mail:icdtmp@yangming.com
台中 Tel: (04) 2295-9188 業務人員: 謝佳妮 (#323),內勤業務: 劉敏琪 (#312)
高雄 Tel: (07) 812-9300 業務人員: 余哲睿 (#331), 內勤業務: 周俊倫 (#309)

****為因應燃油成本增加,本公司將自2019年1月1日(O/B date)起增收低硫油附加費(Usd 18.-/teu),以遵循台灣交通部要求所有進入台灣國際商港區域的船舶,需使用硫含量低於0.5%之低硫燃油的規範**
****因應燃油成本增加,本公司菲律賓航線自ON BOARD DATE: 2026/8/1起加收NEW BUNKER CHARGE: USD150/PER TEU/乾櫃, USD216/PER TEU/冷櫃。**
****為因應營運成本增加,自Jul-10-2023 (On Board Date) 起, 亞洲、澳洲進口貨載將調整延留滯費。**
費率請查詢官網 <http://www.yangming.com> 點選畫面右上側: 繁體中文-->各地資訊-->Taiwan(繁體中文)-->進口資料查詢--> 免費期及延留滯費收費標準

2024.08.01起(on board 起),TW LOCAL Charge 調整如下
20'DC 40'DC/RQ 20'RF 40'RQ
吊櫃費 THCTWD 6,200TWD 8,000TWD 8,000TWD 11,000
文件費 DFTWD 2,200.- per B/L

本公司為提升服務品質,減少對於貨櫃污損責任判定之不便,以及因應營運成本的增加,
將於2025/10/15 (on board date)起,隨櫃徵收台灣進口貨櫃維護費,費率如下

2025/10/15 (on board date)起	20'	40'	45'
貨櫃維護費 (+5% TAX)	NTD 600	NTD 1200	NTD 1200

適用櫃型:全櫃型(乾櫃 / 冷凍櫃 / 開頂櫃 / 平板櫃等; 不包含
SOC)
收費涵蓋貨櫃洗修費NT4500.-/每櫃,倘超過NT 4500.-/每櫃,客戶需
支付差額

2026/6/30

VSL/VOY	船 名	航 次	PHILIPPINES						TAIWAN		
			CEBU宿霧 ETD	MNN北港(馬尼拉) ETD	MNS南港(馬尼拉) ETD	DVO(民答那峨) ETD			KHH ETA	TXG ETA	KEL ETA
TPE2626N	YM INITIATIVE	355N		6/27 週六					6/29 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH
CTI2623N	SEASpan EMERALD	45N				7/2 週四	7/5 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2626N	YANG GUANG	26025N	7/6 週一					7/8 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2624N	XIN BEI LUN	286N				7/8 週三	7/11 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
TPE2625N	YM INAUGURATION	339N		7/11 週六				7/13 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2627N	YM CONSTANCY	070N		7/4 週六				7/13 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2627N	WAN HAI 315	N265		7/10 週五	7/12 週日			7/15 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2626N	YM EFFICIENCY	205N				7/17 週五	7/20 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
TPE2629N	YM CONSTANCY	072N		7/18 週六				7/20 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2628N	WAN HAI 313	N280		7/19 週日	7/24 週五			7/24 週五	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2627N	COSCO HOUSTON	141N				7/21 週二	7/25 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2629N	ZHONG YING CHANG	26027N	7/24 週五					7/26 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2630N	YM INITIATIVE	357N		7/25 週六				7/27 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2629N	WAN HAI 315	N266		7/24 週五	7/26 週日			7/29 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2628N	SEASpan EMERALD	46N				7/28 週二	8/1 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2630N	ZHONG YING CHANG	26028N	7/31 週五					8/2 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2631N	YM INITIATIVE	358N		8/1 週六				8/3 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2630N	WAN HAI 313	N281		8/2 週日	8/3 週一			8/6 週四	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2629N	XIN BEI LUN	287N				8/4 週二	8/8 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2631N	ZHONG YING CHANG	26029N	8/7 週五					8/9 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2632N	YM INITIATIVE	359N		8/8 週六				8/10 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2631N	WAN HAI 315	N267		8/7 週五	8/9 週日			8/12 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2630N	YM EFFICIENCY	206N				8/11 週二	8/15 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2632N	ZHONG YING CHANG	26030N	8/14 週五					8/16 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2633N	YM INITIATIVE	360N		8/15 週六				8/17 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2632N	WAN HAI 313	N282		8/14 週五	8/16 週日			8/19 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2631N	COSCO HOUSTON	142N				8/18 週二	8/22 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
KMC2633N	ZHONG YING CHANG	26031N	8/21 週五					8/23 週日	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPE2634N	YM INITIATIVE	361N		8/22 週六				8/24 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2633N	WAN HAI 315	N268		8/21 週五	8/23 週日			8/26 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2632N	SEASpan EMERALD	47N				8/25 週二	8/29 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
TPE2635N	YM INITIATIVE	362N		8/29 週六				8/31 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2634N	WAN HAI 313	N283		8/28 週五	8/30 週日			9/2 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
CTI2633N	XIN BEI LUN	288N				9/1 週二	9/5 週六	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH		
TPE2636N	YM INITIATIVE	363N		9/5 週六				9/7 週一	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	
TPS2635N	WAN HAI 315	N269		9/4 週五	9/6 週日			9/9 週三	T/S VIA KHH	T/S VIA KHH	

TPE :高雄卸存地為 65W, 70W & 108W (若需指定高雄卸存地, 請於裝貨前向裝港提出申請)

TPS: 高雄卸存地為63W, 70W, 65W

CTI: 高雄卸存地為 70W

YANG MING SHIPPING PHILIPPINES, INC.

Unit 502 5th Floor, Scape Building, Macapagal Ave. cor. Pearl Drive,
Central Business Park 1, Barangay 76, San Rafael, Pasay City.
TEL Nos: 632 (02) 883-0288 FAX N0s: 632 (02) 816-1874
E-MAIL: exp@ph.yangming.com

2. 此船期表僅供客戶排船參考, 正確船期請參閱到貨通知或來電洽詢。謝謝!

3. 欲上網索取此份船期表 請至<http://www.yangming.com> 依據點選(LOCAL INFO 繁體中文)-->(文件下載)-->(進口航線船期表)-->(菲律賓) 即可取得此份船期表; 最新進口切結書請至(文件下載)-->(表單下載)

4. 文件承辦人 T: (02) 2422-8881 EXT.146 葛'S EXT.152 林'S EXT.168 高'S FAX: (02) 2426-0518, 2426-0556